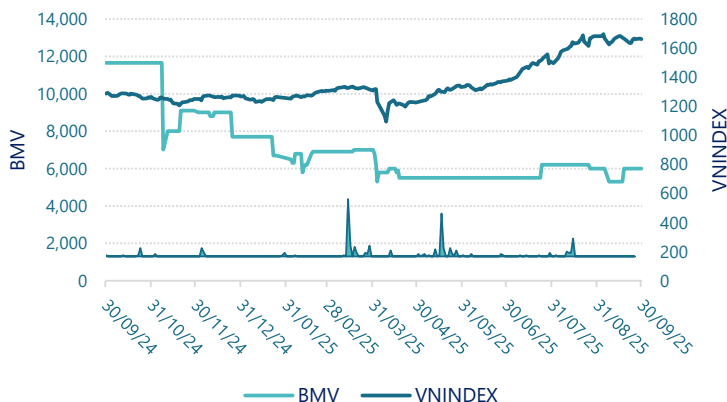




CTCP Bột mỳ Vinafood 1 (UPCOM: BMV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,654
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,300
SL cổ phiếu LH	24,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	145
P/E	34.9
EPS	172

DT thuần

Q3/25

162

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00 | 5.9%

YoY: ▼ 2.00 | -1.2%

LN sau thuế

Q3/25

0.98

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.07 | -6.7%

YoY: ▲ 1.51 | 285%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

1.8%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

9T 2025

463

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 3.00 | -0.7%

LN sau thuế

9T 2025

3.04

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.29 | 306%

ROE

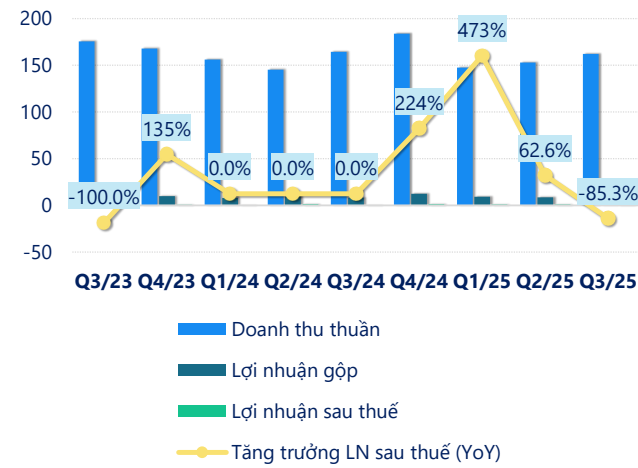
Q3/25

1.7%

+/- YoY: ▲ 1.1%

tỷ VNĐ

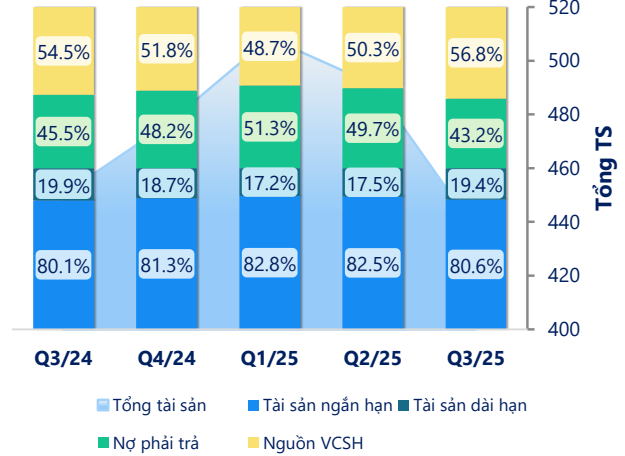
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

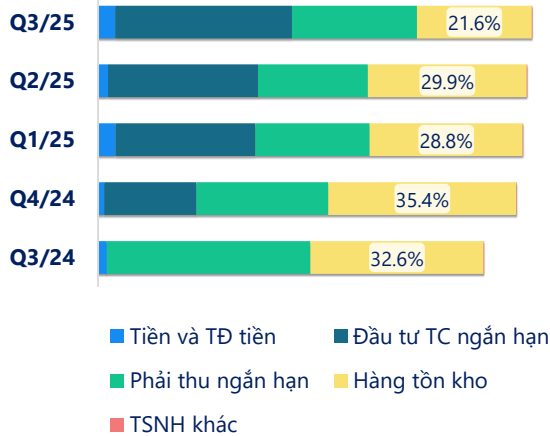
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



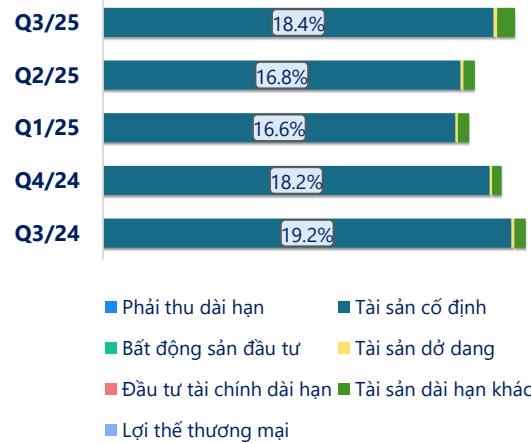
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

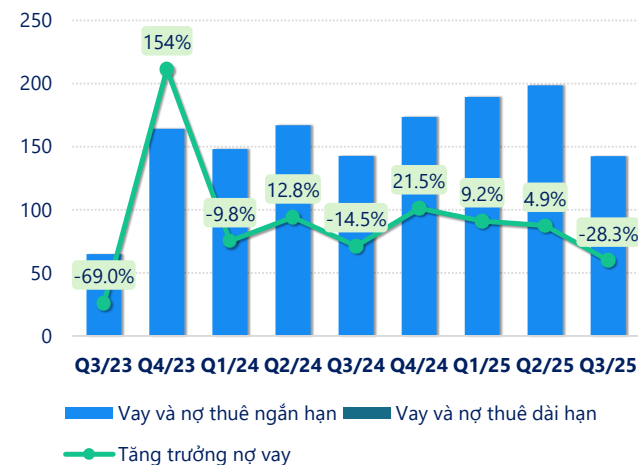
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

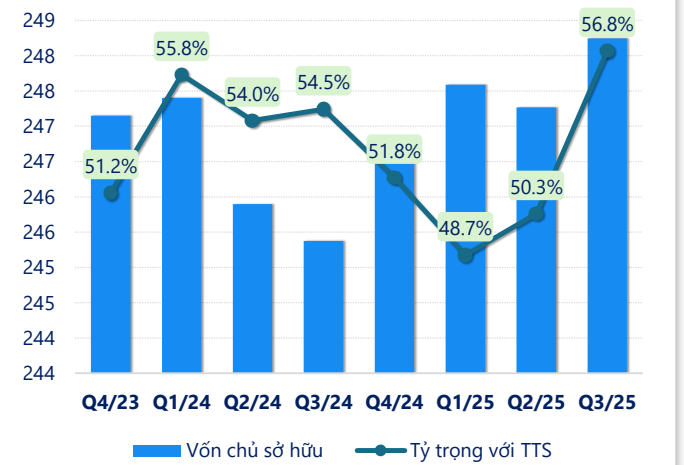
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

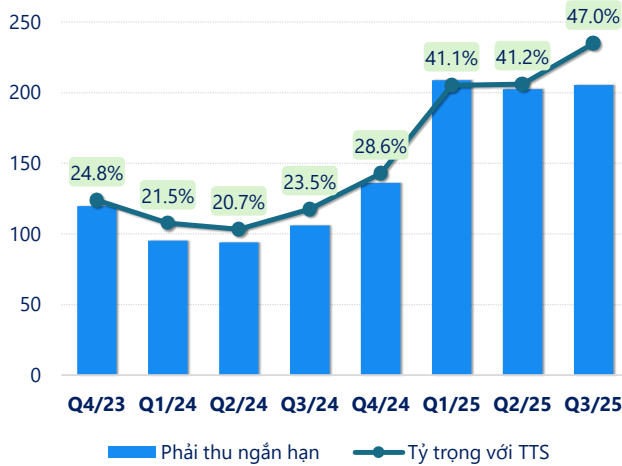
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



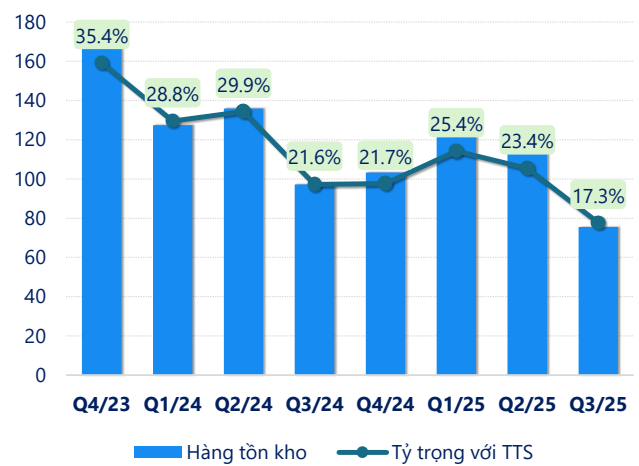
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


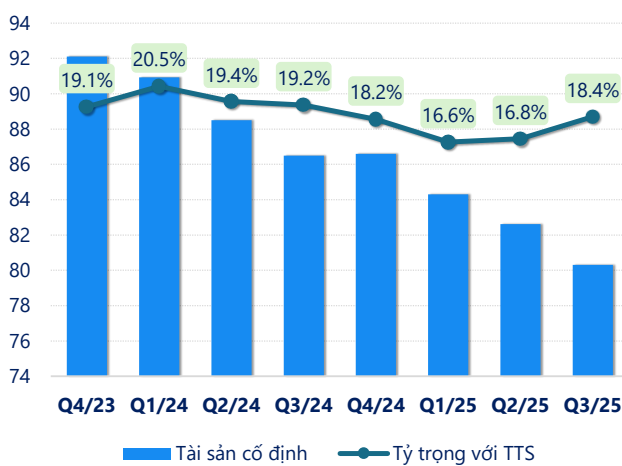
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


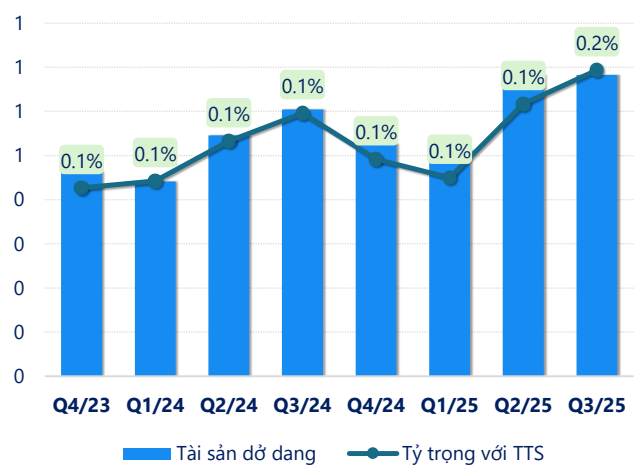
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

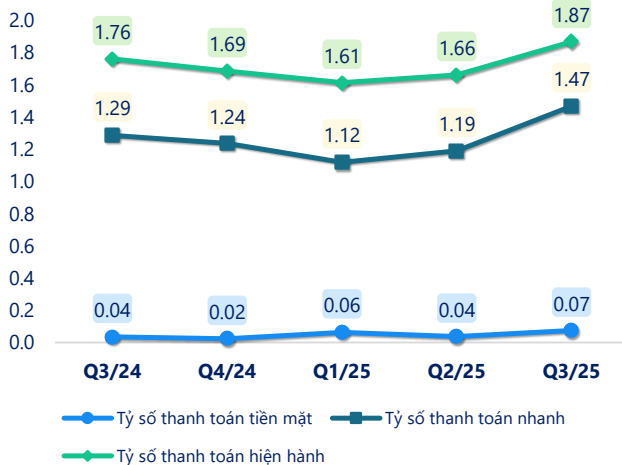
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

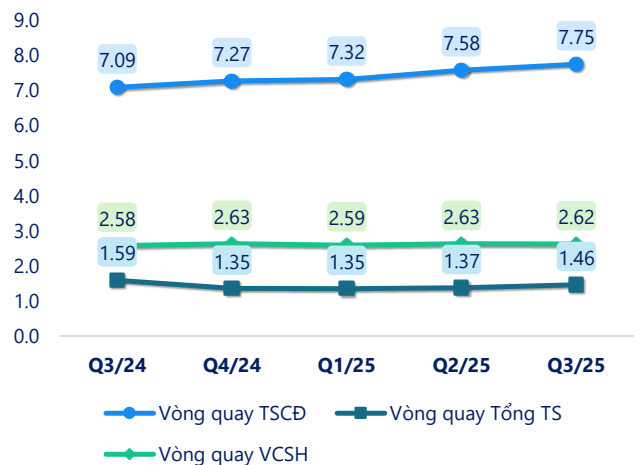
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	450	476	509	491	437
Tài sản ngắn hạn	361	387	421	405	352
Tiền và tương đương tiền	7.34	5.35	16.6	9.09	14.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	150	142	66.0	78.0	57.0
Phải thu ngắn hạn	106	136	209	203	205
Hàng tồn kho	97.3	103	129	115	75.5
Tài sản ngắn hạn khác	0.71	0.58	0.48	0.60	0.54
Tài sản dài hạn	89.5	89.3	87.6	85.9	84.7
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	86.5	86.6	84.3	82.6	80.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.60	0.53	0.51	0.68	0.68
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.40	2.15	2.76	2.59	3.67
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	205	230	261	244	189
Nợ ngắn hạn	205	229	261	244	189
Vay và nợ thuê ngắn hạn	143	173	189	199	142
Phải trả người bán ngắn hạn	42.1	40.7	57.6	25.1	19.7
Nợ dài hạn	0.04	0.19	0.10	0.16	0.16
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	245	246	248	247	248
Vốn chủ sở hữu	245	246	248	247	248
Vốn điều lệ	242	242	242	242	242
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)